

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI/ĐỀ BÀI, RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 3, năm học 2024-2025

I. Thông tin chung

Tên học phần:	QUAN HỆ VIỆT NAM – NHẬT BẢN		
Mã học phần:	71JVRE40013	Số tín chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	243_71JVRE40013_01		
Hình thức thi: Tiểu luận	Thời gian làm bài:	14	ngày
☐ Cá nhân	☒ Nhóm		
<i>Quy cách đặt tên file</i>	<i>Tên học phần_Tên nhóm_Tên tiểu luận</i>		

III. Nội dung đề bài

1. Đề bài

Sinh viên chọn **1 (một)** trong 3 đề tài dưới đây để thực hiện tiểu luận nhóm:

Đề bài 1: Nghiên cứu so sánh chiến lược đầu tư dài hạn và tạo dựng giá trị xã hội giữa dự án ODA và doanh nghiệp FDI của Nhật Bản ở TP. HCM

Đề bài 2: Phân tích cơ chế lan tỏa văn hóa tiêu dùng và văn hóa công cộng Nhật Bản qua các dự án tiêu biểu tại TP.HCM

Đề tài 3: Tự chọn một chủ đề nghiên cứu về quan hệ Việt Nam – Nhật Bản có sự đồng ý của giảng viên.

2. Hướng dẫn thể thức trình bày đề bài

- Các mục cần có trong tiểu luận: Bìa, mục lục (làm tự động), lời mở đầu, phần nội dung (chia chương mục), kết luận và tài liệu tham khảo.
- Tiểu luận trình bày trên khổ giấy A4 (210 x 297 mm), kiểu trang đứng (portrait).
- Định dạng lề: bottom: 2.0 cm top: 2.0 cm, right: 2,0 cm, left: 2.0 cm.
- Font chữ: Times New Roman.
- Cỡ chữ (phần nội dung): 13
- Giãn dòng: 1.5 lines.
- Giãn đoạn: Top: 0pt, bottom: 6pt.
- Canh đều 2 biên (Justified).
- Đánh số trang.

- Độ dài tối thiểu của tiểu luận: 10 trang/người (chỉ tính phần nội dung).
- Độ dài tối đa của tiểu luận: Không quy định.
- Sinh viên không được phép đạo văn. Nếu tiểu luận bị phát hiện đạo văn quá 25%, sinh viên sẽ được đánh giá không đạt ở bài tiểu luận (0đ). Nếu sinh viên bị phát hiện đạo văn trên 10% nhưng không quá 25%, sinh viên sẽ bị trừ 50% số điểm.

3. Rubric và thang điểm

Hình thức: (40%)

Tiêu chí	Tốt (8-10đ)	Khá (6-8đ)	Trung bình (5-6đ)	Yếu (dưới 5đ)
Cấu trúc 15%	Bài luận có bố cục rõ ràng, mạch lạc, logic. Các phần mở bài, thân bài, kết luận được trình bày đầy đủ, cân đối.	Bài luận có bố cục tương đối rõ ràng, mạch lạc. Các phần mở bài, thân bài, kết luận cơ bản đầy đủ.	Bài luận có bố cục chưa rõ ràng, mạch lạc. Các phần mở bài, thân bài, kết luận chưa cân đối, thiếu logic.	Bài luận không có bố cục rõ ràng, thiếu mạch lạc, logic. Các phần mở bài, thân bài, kết luận thiếu hoặc không đầy đủ.
Trình bày 15%	Ngôn ngữ trong sáng, chính xác, sử dụng từ ngữ chuyên ngành phù hợp. Trình bày sạch đẹp, dễ đọc.	Ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu. Trình bày tương đối sạch đẹp, dễ đọc.	Ngôn ngữ chưa chính xác, sử dụng từ ngữ chưa phù hợp. Trình bày chưa được sạch đẹp, khó đọc.	Ngôn ngữ lủng củng, khó hiểu, nhiều lỗi chính tả. Trình bày cầu thả, rất khó đọc.
Chú thích & Tài liệu tham khảo 10%	Chú thích đầy đủ, chính xác theo quy định. Danh mục tài liệu tham khảo phong phú, đáng tin cậy.	Chú thích tương đối đầy đủ, chính xác. Danh mục tài liệu tham khảo đủ số lượng.	Chú thích chưa đầy đủ, có sai sót. Danh mục tài liệu tham khảo hạn chế.	Thiếu chú thích hoặc chú thích sai quy định. Danh mục tài liệu tham khảo sơ sài hoặc không có.

Nội dung: (60%)**Rubrics đánh giá nội dung tiểu luận (60%)**

Tiêu chí	Tốt (8-10đ)	Khá (6-8đ)	Trung bình (5-6đ)	Yếu (dưới 5đ)
1. Nắm bắt kiến thức (20%)	Thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về mối quan hệ Việt Nam – Nhật Bản được đề cập trong đề tài. Trình bày chính xác, đầy đủ các sự kiện, nhân vật, khái niệm liên quan.	Thể hiện sự hiểu biết khá tốt về mối quan hệ Việt Nam – Nhật Bản được đề cập. Trình bày chính xác hầu hết các sự kiện, nhân vật, khái niệm liên quan.	Hiểu biết về mối quan hệ Việt Nam – Nhật Bản còn hạn chế, có sai sót. Trình bày thiếu hoặc không chính xác một số sự kiện, nhân vật, khái niệm.	Hiểu biết rất hạn chế về mối quan hệ Việt Nam – Nhật Bản. Trình bày sai hoặc thiếu nhiều thông tin quan trọng.

2. Khả năng phân tích & tổng hợp (20%)	Phân tích sâu sắc các yếu tố, đặc điểm của mối quan hệ Việt Nam – Nhật Bản. Tổng hợp các thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, đưa ra nhận định riêng có cơ sở khoa học.	Phân tích tương đối sâu sắc các yếu tố của mối quan hệ Việt Nam – Nhật Bản. Tổng hợp thông tin từ một số nguồn, có nhận định riêng nhưng chưa thuyết phục.	Phân tích còn hạn chế, chưa làm rõ bản chất và mối liên hệ giữa các yếu tố. Tổng hợp thông tin chưa đầy đủ, nhận định riêng còn sơ sài.	Phân tích rất sơ sài, thiếu sâu sắc. Không thể tổng hợp thông tin, thiếu nhận định riêng.
3. Tư duy phản biện & sáng tạo (10%)	Đánh giá khách quan, toàn diện về mối quan hệ Việt Nam – Nhật Bản, chỉ ra những ưu và nhược điểm. Đề xuất những ý tưởng mới, góp ý giải pháp cho các vấn đề liên quan đến mối quan hệ Việt Nam – Nhật Bản.	Có đánh giá riêng về mối quan hệ Việt Nam – Nhật Bản, nhưng chưa thuyết phục. Đề xuất một số ý tưởng, góp ý nhưng chưa thực sự sáng tạo.	Đánh giá còn phiến diện, chưa khách quan. Ít đề xuất ý tưởng mới, thiếu sáng tạo.	Không có quan điểm, đánh giá riêng. Hoàn toàn thiếu ý tưởng sáng tạo.
4. Tính liên hệ & ứng dụng (10%)	Liên hệ kiến thức về mối quan hệ Việt Nam – Nhật Bản với các vấn đề hiện đại, toàn cầu hóa. Vận dụng kiến thức đã học để phân tích các sự kiện, hiện tượng trong thực tiễn. Đề xuất các giải pháp ứng dụng kiến thức vào cuộc sống.	Có liên hệ với các vấn đề hiện đại, nhưng chưa sâu sắc. Vận dụng kiến thức còn hạn chế.	Liên hệ với thực tiễn còn sơ sài. Chưa thể vận dụng kiến thức đã học.	Không liên hệ được với thực tiễn. Không thể vận dụng kiến thức.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

NGƯỜI DUYỆT ĐỀ

GIẢNG VIÊN RA ĐỀ

ThS. Dương Ngọc Phúc

ThS. Dương Ngọc Phúc